

Số: 84/2024/QĐST-VLĐ

Dĩ An, ngày 24 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Liễu.

Thư ký phiên họp: Bà Chu Tường Vy - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 141/2024/TLST-VLĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 72/2024/QĐST-VLĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1990; thường trú: Đ, thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: Số I, đường Đ, tổ D, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Công ty Cổ phần P; địa chỉ: Đường số B, khu công nghiệp S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Minh T, sinh năm 1989; địa chỉ: Đường số B, khu công nghiệp S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/6/2024). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Bà Trần Thị H, sinh năm 1990; thường trú: Xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3/ Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

Tại đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị C trình bày: Từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2011 bà Nguyễn Thị C làm việc tại Công ty TNHH L, địa chỉ tại số B, lô N, đường Đ, khu công nghiệp S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có tham gia bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương, mã số sổ 7412122232. Nay bà C đến Bảo hiểm xã hội nộp hồ sơ xin thay đổi thông tin thì Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện thông tin của bà C bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: Do lúc trước chưa hiểu rõ thông tin về vấn đề đóng Bảo hiểm xã hội nên bà C có cho bà Trần Thị H mượn thông tin cá nhân của bà C để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty Cổ phần P1 từ tháng 9/2009 đến tháng 7/2010, trong khoảng thời gian này bà C đang làm việc tại Công ty TNHH L.

Do đó, thông tin bảo hiểm của bà C bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 9/2009 đến tháng 7/2010, đây là thời gian bà Trần Thị H mượn hồ sơ lao động của bà C. Nay, bà C yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị H với tên gọi Nguyễn Thị C và Công ty Cổ phần P1 từ tháng 9/2009 đến tháng 7/2010 là vô hiệu. Bà C không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- *Tại bản trình bày ý kiến ngày 10/6/2024, biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2024, người đại diện hợp pháp của Cổ phần P1 trình bày:* Công ty xác định tháng 8/2009, người lao động tên Nguyễn Thị C vào Công ty làm việc đến tháng 9/2009 thì ký hợp đồng lao động và Công ty có tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương, đến tháng 07/2010 bà C tự ý nghỉ việc tại Công ty, Công ty đã giải quyết các chế độ và chốt sổ bảo hiểm theo quy định. Việc bà H mượn hồ sơ của bà C để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty P1 thì thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ không đúng tên của mình. Hồ sơ lao động của người lao động C hiện Công ty không còn lưu giữ nên không thể cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Lỗi dẫn đến việc Công ty ký kết hợp đồng với bà C (nhưng bà H mới là người thực tế làm việc tại Công ty P1) là do bà C và bà H. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho người yêu cầu đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu. Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu, Công ty P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ông Dương Văn T1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương trình bày:* Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần P1 cho người lao động thì Cổ phần P1 có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1990, số CCCD 042190013173 (số CMND 183896260) với mã số BHXH 7409265783 từ tháng 9/2009 đến tháng 7/2010 chưa nhận trợ cấp BHXH. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị C còn có mã số 7409282017 tham gia BHXH từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2020 tại Công ty TNHH G và từ tháng 7/2010 đến tháng

02/2021 tại Công ty TNHH L. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị C, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ.

Về các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị C, Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày: Từ tháng 9/2009 đến tháng 7/2010, bà H có mượn hồ sơ thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1990; thường trú: Đ, thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần P1, địa chỉ tại đường B, khu công nghiệp S, thành phố D, tỉnh Bình Dương và được Công ty T2 với mã số sổ 7409265783. Nay bà C đến bảo hiểm xã hội để nộp hồ sơ xin thay đổi thông tin thì Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện thông tin của bà C bị trùng.

Nay bà H đồng ý với toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị C, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà C, tuyên vô hiệu Hợp đồng lao động (từ tháng 9/2009 đến tháng 7/2010) giữa người lao động tên Nguyễn Thị C và Công ty Cổ phần P1. Về hậu quả của hợp đồng lao động thì bà H không có yêu cầu gì.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị C, bà Trần Thị H, Bảo hiểm xã hội thành phố D, Công ty Cổ phần P1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc lao động vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự thống nhất: Trong thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 7/2010, người lao động tên Nguyễn Thị C, sinh năm 1990, số CCCD 042190013173 (số CMND 183896260) được Công ty Cổ phần P1 có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7409265783. Quan hệ lao động giữa Công ty Cổ phần P1 và người lao động Nguyễn Thị C phát sinh từ hợp đồng lao động tháng 9/2009. Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị C, bà Trần Thị H và Công ty Cổ phần P1 thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần P1 và thực tế làm việc tại Công ty T3 khoảng thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 7/2010 theo hợp đồng lao động là bà Trần Thị H chứ không phải bà Nguyễn Thị C do bà H mượn thông tin cá nhân của bà C để đi làm việc. Đối với bà C trong thời gian

này đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH G và Công ty TNHH L. Mục đích mượn giấy tờ là do bà H chưa đủ điều kiện ứng tuyển nên đã sử dụng thông tin của bà C để đi giao kết hợp đồng lao động. Phần trình bày của bà H, bà C phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 7/2010, bà Nguyễn Thị C có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần P1 và Công ty TNHH G, Công ty TNHH L. Xét thấy, việc bà H lấy tên bà C để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó, bà Nguyễn Thị C yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động từ tháng 9/2009 đến tháng 7/2010 giữa bà Nguyễn Thị C (do bà Trần Thị H mượn tên) với Công ty Cổ phần P1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị C bị trùng từ tháng 9/2009 đến tháng 7/2010. Do đó, bà C yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty Cổ phần P1 với bà C (do bà H sử dụng thông tin của bà C để ký) từ tháng 9/2009 đến tháng 7/2010 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị C chịu theo quy định.

[6] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 15, 16, 49 của Bộ luật lao động;

Căn cứ vào các Điều 149, 367, 401, 402 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị C.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị C (do bà Trần Thị H ký kết) với Công ty Cổ phần P1 từ tháng 9/2009 đến tháng 7/2010 là vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0003128 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Thị Liêng